

**VĂN BẢN HỢP NHẤT - VĂN PHÒNG QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****LUẬT  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019;

2. Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;*

*Quốc hội ban hành Luật Khoa học và công nghệ<sup>1</sup>.*

---

<sup>1</sup> Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch của Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12, Luật Công chứng số 53/2014/QH13, Luật Dược số 105/2016/QH13, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, Luật Điện lực số 28/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 24/2012/QH13, Luật Hóa chất số 06/2007/QH12, Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13, Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13, Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 và Luật Trẻ em số 102/2016/QH13.”.*

Luật số 07/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12 và Luật số 42/2019/QH14.”.*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; việc tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ; biện pháp bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ; quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khoa học* là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

2. *Công nghệ* là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.

3. *Hoạt động khoa học và công nghệ* là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

4. *Nghiên cứu khoa học* là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

5. *Nghiên cứu cơ bản* là hoạt động nghiên cứu nhằm khám phá bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy.

6. *Nghiên cứu ứng dụng* là hoạt động nghiên cứu vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ phục vụ lợi ích của con người và xã hội.

7. *Phát triển công nghệ* là hoạt động sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, thông qua việc triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện công nghệ hiện có, tạo ra công nghệ mới.

8. *Triển khai thực nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu.

9. *Sản xuất thử nghiệm* là hoạt động ứng dụng kết quả triển khai thực nghiệm để sản xuất thử nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

10. *Dịch vụ khoa học và công nghệ* là hoạt động phục vụ, hỗ trợ kỹ thuật cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn bức xạ, hạt nhân và năng lượng nguyên tử; dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

11. *Tổ chức khoa học và công nghệ* là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

12. *Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ* là người thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ.

13. *Nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.

14. *Đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là việc bên đặt hàng đưa ra yêu cầu về sản phẩm khoa học và công nghệ, cung cấp kinh phí để tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tạo ra sản phẩm khoa học và công nghệ thông qua hợp đồng.

15. *Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ* là cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng thông tin, thống kê khoa học và công nghệ.

16. *Đổi mới sáng tạo (innovation)* là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

**Điều 4. Nhiệm vụ của hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; xây dựng luận cứ khoa học cho việc định ra đường lối, chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; góp phần xây dựng nền giáo dục tiên tiến, xây dựng con người mới Việt Nam; kế thừa và phát huy giá trị truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và đóng góp vào kho tàng văn hóa, khoa học của thế giới.

2. Nâng cao năng lực khoa học và công nghệ để làm chủ công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, phương pháp quản lý tiên tiến; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe con người; kịp thời dự báo, phòng, chống, hạn chế và khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Tiếp thu thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới để tạo ra, ứng dụng có hiệu quả công nghệ mới; tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh cao; phát triển nền khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tiếp cận với trình độ thế giới, làm cơ sở vững chắc cho việc phát triển các ngành công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh việc phổ biến và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống.

**Điều 5. Nguyên tắc hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển khoa học và công nghệ.

2. Xây dựng và phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ kết hợp với việc tiếp thu có chọn lọc thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

3. Bảo đảm quyền tự do sáng tạo, phát huy dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ vì sự phát triển của đất nước.

4. Trung thực, khách quan, đề cao đạo đức nghề nghiệp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

5. Bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường.

**Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ**

Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây nhằm bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu:

1. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ; áp dụng đồng bộ cơ chế, biện pháp khuyến khích, ưu đãi nhằm phát huy vai trò then chốt và động lực của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân;

2. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo tiền đề hình thành và phát triển kinh tế tri thức;

3. Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm;

4. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, chú trọng lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm quốc gia; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển, đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực khoa học và công nghệ;

5. Tạo điều kiện phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

6. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ;

7. Khuyến khích, tạo điều kiện để hội khoa học và kỹ thuật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội và hoạt động khoa học và công nghệ;

8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; nâng cao vị thế quốc gia về khoa học và công nghệ trong khu vực và thế giới.

### **Điều 7. Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam**

Ngày 18 tháng 5 hằng năm là Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam.

### **Điều 8. Các hành vi bị cấm**

1. Lợi dụng hoạt động khoa học và công nghệ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người; trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ.
3. Tiết lộ tài liệu, kết quả khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước; lừa dối, giả mạo trong hoạt động khoa học và công nghệ.
4. Cản trở hoạt động khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Mục 1**

#### **THÀNH LẬP, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ**

#### **CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 9. Hình thức và phân loại tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Hình thức của tổ chức khoa học và công nghệ được quy định như sau:
  - a) Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định;
  - b) Cơ sở giáo dục đại học được tổ chức theo quy định của Luật Giáo dục đại học;
  - c) Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm và hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.
2. Tổ chức khoa học và công nghệ được phân loại như sau:
  - a) Theo thẩm quyền thành lập, tổ chức khoa học và công nghệ gồm các loại quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này;
  - b) Theo chức năng, tổ chức khoa học và công nghệ gồm tổ chức nghiên cứu cơ bản, tổ chức nghiên cứu ứng dụng, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ;
  - c) Theo hình thức sở hữu, tổ chức khoa học và công nghệ gồm tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài.

**Điều 10. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập<sup>2</sup>**

1. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập là quy hoạch ngành quốc gia.

2. Việc lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch và các nguyên tắc sau đây:

a) Xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thống nhất, đồng bộ và phân bố hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ;

b) Gắn kết tổ chức khoa học và công nghệ với cơ sở đào tạo và tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Bảo đảm thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, chú trọng những lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

d) Bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

**Điều 11. Điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập khi có đủ điều kiện sau đây:

a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động, mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Nhân lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng và điều lệ tổ chức và hoạt động.

---

<sup>2</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.



2.<sup>3</sup> Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập và ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo phân cấp của Chính phủ.

3. Việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài phải tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Mục đích, nội dung, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam;

b) Được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép thành lập;

c) Được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cho phép đặt trụ sở làm việc tại địa phương.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ phải đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

5. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện thành lập, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

**Điều 12. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ được quy định như sau:

a) Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội;

b) Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Chính phủ;

c) Tòa án nhân dân tối cao thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Tòa án nhân dân tối cao;

d) Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

---

<sup>3</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.



đ) Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

e) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;

g) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của địa phương theo thẩm quyền;

h) Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật và điều lệ;

i) Doanh nghiệp, tổ chức khác, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ của mình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có quyền quyết định việc sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ; quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ do mình thành lập phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ.

### **Điều 13. Quyền của tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học và công nghệ trong lĩnh vực đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được Nhà nước giao biên chế.

2. Đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ; đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ.

3. Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp khoa học và công nghệ trực thuộc, văn phòng đại diện, chi nhánh trong nước và ở nước ngoài để hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để hoạt động khoa học và công nghệ và hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

6. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Báo chí, Luật Xuất bản và quy định khác của pháp luật.

7. Tư vấn, đề xuất ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền.

8. Tham gia hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ.

9. Được chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 14. Nghĩa vụ của tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ theo đúng lĩnh vực đã được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

2. Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao.

3. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc sử dụng kinh phí và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản thường xuyên theo chức năng của mình; sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ đúng pháp luật.

5. Đăng ký, lưu giữ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

6. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về khoa học và công nghệ.

7. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong tổ chức mình; giữ bí mật nhà nước về khoa học và công nghệ.

**Điều 15. Văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài được thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam để hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Là tổ chức khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức quốc tế, quốc gia, vùng lãnh thổ nơi tổ chức đó thành lập hoặc đăng ký hoạt động;
- b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật này;
- c) Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ mà Việt Nam có nhu cầu;
- d) Cam kết chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp và có thời hạn không quá 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của giấy đăng ký hoạt động hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài trong trường hợp pháp luật quốc gia đó có quy định thời hạn giấy đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.

4. Văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài được thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ ghi trong giấy phép thành lập và có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện, trình tự và thủ tục thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.

## Mục 2

### **ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 16. Mục đích, nguyên tắc đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ là việc sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để xác định năng lực và hiệu quả hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

2. Việc đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ nhằm mục đích sau đây:

- a) Tạo cơ sở để xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ;
- b)<sup>4</sup> Phục vụ hoạt động hoạch định chính sách phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
- c) Làm cơ sở xem xét việc tuyển chọn, xét giao trực tiếp cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thực hiện chính sách ưu tiên đầu tư từ ngân sách nhà nước, cho vay, tài trợ, bảo lãnh vốn vay của quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Việc đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

- a) Có phương pháp, tiêu chí đánh giá phù hợp;
- b) Độc lập, bình đẳng, trung thực, khách quan, đúng pháp luật;
- c) Kết quả đánh giá, xếp hạng phải được công bố công khai, minh bạch.

#### **Điều 17. Đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải được đánh giá để phục vụ quản lý nhà nước.

2. Việc đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ quản lý nhà nước do cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thực hiện hoặc thông qua tổ chức đánh giá độc lập.

---

<sup>4</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

3. Việc đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ được thực hiện dựa trên tiêu chí và phương pháp đánh giá do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định đối với từng loại hình tổ chức khoa học và công nghệ.

#### **Điều 18. Tổ chức đánh giá độc lập**

1. Tổ chức có tư cách pháp nhân, cá nhân được thực hiện đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc đánh giá, xếp hạng tổ chức khoa học và công nghệ phải tuân theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 16 của Luật này.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá, xếp hạng phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, xếp hạng của mình.

### **Chương III**

## **CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 19. Chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ**

1. Chức danh nghiên cứu khoa học là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực nghiên cứu khoa học của cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, gồm trợ lý nghiên cứu, nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp.

Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tham gia giảng dạy, đào tạo đại học, sau đại học được xét bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư. Thủ tục xét bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học.

2. Chức danh công nghệ là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cá nhân hoạt động trong từng lĩnh vực công nghệ.

Chính phủ quy định cụ thể chức danh công nghệ, thủ tục, quy trình xét công nhận, bổ nhiệm chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

3. Người có học vị tiến sĩ hoặc có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc hoặc được giải thưởng cao về khoa học và công nghệ được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

4. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

**Điều 20. Quyền của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Tự do sáng tạo, bình đẳng trong hoạt động khoa học và công nghệ.
2. Tự mình hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân khác để hoạt động khoa học và công nghệ, ký kết hợp đồng khoa học và công nghệ.
3. Được tạo điều kiện để tham gia, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ mà mình là thành viên.
4. Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ trong một số lĩnh vực theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
5. Đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
6. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.
7. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật báo chí, Luật xuất bản và quy định khác của pháp luật.
8. Góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh; nhận tài trợ để hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.
9. Tư vấn, đề xuất ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ mà mình là thành viên và tham gia giám sát việc thực hiện.
10. Tham gia tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội khoa học và công nghệ; tham gia hoạt động đào tạo, tư vấn, hội nghị, hội thảo khoa học và công nghệ; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.
11. Được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh quy định tại Điều 19 của Luật này.

12. Được khen thưởng, hưởng quyền ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

**Điều 21. Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Đóng góp trí tuệ, tài năng vào sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết.

3. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao.

4. Đăng ký, lưu giữ và giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Giữ bí mật nhà nước về khoa học và công nghệ, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội.

**Điều 22. Đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ**

1.<sup>5</sup> Căn cứ vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trên cơ sở đề xuất của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan khác của Nhà nước.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ quản lý chuyên ngành tổ chức đào tạo trình độ đại học, sau đại học; phát hiện, đào tạo bồi dưỡng nhân tài để bổ sung nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, bảo đảm cơ cấu ngành, lĩnh vực và vùng miền; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trên phạm vi cả nước.

4. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tự đào tạo, tham gia, tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và

---

<sup>5</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.



công nghệ; khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực nữ trong hoạt động khoa học và công nghệ; ưu tiên thu hút, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

5. Kinh phí thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực quy định tại khoản 2 Điều này do ngân sách nhà nước bảo đảm. Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại khoản 3 Điều này được lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ. Kinh phí tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực về khoa học và công nghệ quy định tại khoản 4 Điều này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

6. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.

**Điều 23. Ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ**

1. Người được bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ được hưởng ưu đãi sau đây:

- a) Được xếp vào vị trí việc làm và hưởng mức lương, phụ cấp phù hợp với chuyên môn và năng lực trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
- b) Được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định tại Điều 64 của Luật này;
- c) Được trang bị phương tiện và tạo điều kiện làm việc thuận lợi cao hơn mức quy định cho cán bộ, công chức nhà nước và phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao;
- d) Được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học.

2. Nhà khoa học đầu ngành ngoài ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này còn được hưởng ưu đãi sau đây:

- a) Được ưu tiên giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng;
- b) Được thành lập nhóm nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn của mình và được cấp hoặc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của nhóm này;
- c) Được trực tiếp đề xuất, tham gia xây dựng, đánh giá và phản biện chính sách của ngành, lĩnh vực, quốc gia về phát triển khoa học và công nghệ;

d) Được ưu tiên giao nhiệm vụ phản biện độc lập đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh;

đ) Được hưởng mức phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo quy định của Chính phủ;

e) Được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn.

3. Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng ngoài ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này còn được hưởng ưu đãi sau đây:

a) Hưởng mức lương và phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo thỏa thuận với cơ quan nhà nước giao nhiệm vụ; được bố trí nhà ở công vụ, phương tiện đi lại công vụ trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Đề xuất việc điều động nhân lực khoa học và công nghệ, kinh phí thực hiện nhiệm vụ và nguồn lực vật chất, tài chính bảo đảm thực hiện nhiệm vụ;

c) Thuê, thỏa thuận chi phí thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài; tự quyết định việc mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho nhiệm vụ trong phạm vi dự toán kinh phí được giao;

d) Tự quyết định và được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn;

đ) Toàn quyền quyết định việc tổ chức nhiệm vụ được giao.

4. Nhà khoa học trẻ tài năng ngoài việc được hưởng ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều này còn được hưởng ưu đãi sau đây:

a) Ưu tiên xét cấp học bổng để nâng cao trình độ ở trong nước, ngoài nước;

b) Được thành lập nhóm nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn của mình và được cấp hoặc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của nhóm này;

c) Được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng và được ưu tiên chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác;

d) Được hỗ trợ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn.

5. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.

**Điều 24. Thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài**

1. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

2. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian làm việc tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Luật này và được hưởng ưu đãi sau đây:

a) Được bổ nhiệm, thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ; được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, xét công nhận, bổ nhiệm chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ theo quy định tại Điều 19 của Luật này;

b) Được hưởng lương chuyên gia theo quy định của Chính phủ và ưu đãi khác theo hợp đồng;

c) Được hưởng các ưu đãi về xuất nhập cảnh, cư trú, nhà ở và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam và được hưởng ưu đãi sau đây:

a) Được thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ; được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Được hưởng ưu đãi về xuất nhập cảnh, cư trú, nhà ở và ưu đãi khác theo quy định của pháp luật;

c) Được hưởng lương chuyên gia theo quy định của Chính phủ và ưu đãi khác theo hợp đồng.

4. Cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia là người nước ngoài có cống hiến lớn đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của Việt Nam được Nhà nước Việt Nam vinh danh, khen thưởng, tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của Việt Nam.

5. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.

## **Chương IV**

### **XÁC ĐỊNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Mục 1**

#### **XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

##### **Điều 25. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức chương trình, đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ và các hình thức khác.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở do cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 27 của Luật này xác định.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh phải thực hiện theo hình thức đặt hàng.

3. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để mọi tổ chức, cá nhân đề xuất ý tưởng khoa học, nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chính phủ quy định tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phù hợp với từng giai đoạn phát triển và lĩnh vực khoa học và công nghệ; biện pháp khuyến khích đề xuất ý tưởng khoa học, nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

##### **Điều 26. Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Việc đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được quy định như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ về bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước khác ở trung ương phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để tổng hợp.

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước khác ở trung ương tổ chức lấy ý kiến tư vấn xác định và công bố

công khai nhiệm vụ đặt hàng cấp mình và gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia về Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp đề xuất đặt hàng, tổ chức lấy ý kiến tư vấn về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và công bố công khai;

c) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ động hoặc theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia cấp bách, mới phát sinh có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia; tổ chức lấy ý kiến tư vấn về các nhiệm vụ này;

d) Việc lấy ý kiến tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định thành lập, quy định nhiệm vụ và quyền hạn. Thành phần của Hội đồng bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình độ phù hợp với nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có quyền lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước hoặc sau khi họp Hội đồng. Thành viên Hội đồng và chuyên gia tư vấn độc lập phải chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.

2. Việc đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có thể áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc đề xuất, tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và kỹ thuật phải bao gồm nội dung triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm và dự toán kinh phí cho các hoạt động này hoặc đề xuất dự án triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể Điều này.

## **Điều 27. Thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định như sau:

a) Căn cứ vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ 05 năm và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hằng năm;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh;

c) Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này tự phê duyệt hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định về tổ chức và hoạt động của mình.

2. Thẩm quyền ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định như sau:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh;

c) Tổ chức, cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tổng hợp, đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

## **Mục 2**

### **PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 28. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được giao theo phương thức tuyển chọn, giao trực tiếp, xét tài trợ từ quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có thể được thực hiện theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều này hoặc phương thức khác do tổ chức, cá nhân lựa chọn.

**Điều 29. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là việc xác định tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và phải bảo đảm tính cạnh tranh, công bằng, hiệu quả.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức, cá nhân có khả năng tham gia thực hiện phải được giao theo phương thức tuyển chọn nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp phải thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ; điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn.

4. Việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải bảo đảm công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác.

5. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp thành lập Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng này.

Hội đồng tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp thành lập, quy định nhiệm vụ và quyền hạn. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn và phải chịu trách nhiệm về việc tư vấn của mình. Thành phần của Hội đồng bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình độ phù hợp với nhiệm vụ. Thành viên Hội đồng phải có năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình.



6. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi có ý kiến tư vấn của Hội đồng. Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có quyền lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

7. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 30. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được giao trực tiếp**

1. Nhà nước giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất;

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà chỉ có một tổ chức khoa học và công nghệ có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó.

2. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều này sau khi lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ và phải chịu trách nhiệm về việc giao nhiệm vụ của mình. Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì nhiệm vụ phải có đủ năng lực, điều kiện và chuyên môn phù hợp.

Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có quyền lấy thêm ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

3. Chính phủ quy định cụ thể Điều này.

**Điều 31. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay**

Tổ chức, cá nhân có quyền đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ để quỹ phát triển khoa học và công nghệ, quỹ đổi mới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm

công nghệ cao và các quỹ khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ.

### **Điều 32. Liên kết xác định và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học liên kết với doanh nghiệp và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

2. Việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Hỗ trợ đến 30% vốn đầu tư cho dự án của doanh nghiệp ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm mới hoặc nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hỗ trợ đến 50% vốn đầu tư cho dự án thực hiện ở vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn;

b) Hỗ trợ đến 50% vốn đầu tư cho dự án thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Nhà nước.

3. Chính phủ quy định cụ thể điều kiện, hình thức, trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ của Nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Điều này.

## **Mục 3**

### **HỢP ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 33. Phân loại hợp đồng khoa học và công nghệ**

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ được thực hiện thông qua hợp đồng khoa học và công nghệ bằng văn bản.

2. Các loại hợp đồng khoa học và công nghệ gồm:

- a) Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- b) Hợp đồng chuyển giao công nghệ;
- c) Hợp đồng dịch vụ khoa học và công nghệ.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mẫu hợp đồng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

**Điều 34. Quyền, nghĩa vụ của bên đặt hàng theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Bên đặt hàng theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có quyền sau đây:

a) Sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nếu không có thỏa thuận khác trong hợp đồng;

b) Tổ chức việc giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Bên đặt hàng theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp thông tin cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng;

b) Tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ đặt hàng;

c) Tiếp nhận và tổ chức triển khai ứng dụng hoặc chuyển giao kết quả nghiên cứu sau khi được nghiệm thu;

d) Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên nhận đặt hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

**Điều 35. Quyền, nghĩa vụ của bên nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Bên nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có quyền sau đây:

a) Hưởng quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo thỏa thuận trong hợp đồng;

b) Yêu cầu bên đặt hàng cung cấp thông tin và những điều kiện khác theo thỏa thuận trong hợp đồng để thực hiện hợp đồng;

c) Nhận kinh phí của bên đặt hàng để thực hiện hợp đồng.

2. Bên nhận đặt hàng thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nghĩa vụ sau đây:

a) Bàn giao kết quả nghiên cứu, giao nộp sản phẩm theo đúng quy định trong hợp đồng;

b) Giữ bí mật về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo thỏa thuận;

c) Không được chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho người khác nếu không có sự chấp thuận của bên đặt hàng.

### **Điều 36. Giải quyết tranh chấp hợp đồng khoa học và công nghệ**

1. Bên vi phạm hợp đồng khoa học và công nghệ phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tranh chấp hợp đồng khoa học và công nghệ được giải quyết trước hết theo nguyên tắc hòa giải, thương lượng trực tiếp giữa các bên. Trường hợp các bên không tự giải quyết được thì tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài hoặc tòa án.

## **Mục 4**

### **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU, ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 37. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, khi kết thúc phải được đánh giá nghiệm thu khách quan, chính xác thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành. Người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo thẩm quyền quyết định nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong trường hợp cần thiết, người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ có quyền lấy thêm ý kiến tư vấn của tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định nghiệm thu.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức, cá nhân tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu. Trường hợp tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương xem xét đánh giá, nghiệm thu.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người phải được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền thẩm định.

4. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được nghiệm thu.

5. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí, thủ tục đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 38. Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành hoặc thuê tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thành phần Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành bao gồm nhà khoa học, đại diện cơ quan, tổ chức đề xuất đặt hàng, cơ quan, tổ chức đặt hàng, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ.

3. Tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập phải có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ.

4. Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập tiến hành đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mục đích, yêu cầu, nội dung, kết quả, tiến độ ghi trong hợp đồng đã được ký kết và chịu trách nhiệm trước người giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

**Điều 39. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương chủ quản.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký, lưu giữ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương.

**Điều 40. Trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đứng đầu tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và định kỳ hằng năm gửi báo cáo kết quả ứng dụng về Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương xem xét tạo điều kiện ứng dụng.

3. Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước được tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho Nhà nước thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ và xem xét tổ chức ứng dụng.

**Mục 5**

**QUYỀN SỞ HỮU, QUYỀN TÁC GIẢ ĐỐI VỚI KẾT QUẢ  
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

**Điều 41. Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ<sup>6</sup>**

---

<sup>6</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật số 07/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước thì đại diện chủ sở hữu nhà nước được quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở do mình phê duyệt;

c) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản này là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình quyết định phê duyệt.

3. Đại diện chủ sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này có quyền xét giao toàn bộ hoặc một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra bằng ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu sử dụng, khai thác kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đó, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trong trường hợp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng đó được giao cho tổ chức chủ trì một cách tự động và không bồi hoàn hoặc giao cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ. Khi được cấp văn bằng bảo hộ, tổ chức chủ trì là chủ sở hữu các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng tương ứng.

5. Chính phủ quy định cụ thể quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định tại Điều này.



**Điều 42. Quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đó. Tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hưởng quyền theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 43. Phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước<sup>7</sup>**

1. Lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được chia cho tác giả tối thiểu 30% và phần lợi nhuận còn lại được phân chia giữa chủ sở hữu, cơ quan chủ trì, người môi giới theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc phân chia lợi nhuận thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền, góp vốn bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

**Chương V**  
**ỨNG DỤNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**  
**KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ,**  
**PHỔ BIẾN KIẾN THỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 44. Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của bên đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và

---

<sup>7</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Luật số 07/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Luật này.

Trường hợp bên đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời không được tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm.

#### **Điều 45. Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt công nghệ cao và khai thác, sử dụng sáng chế để đổi mới quản lý kinh tế - xã hội, đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác theo quy định tại Luật này và văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ sở hữu, tác giả và người ứng dụng thành công kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hưởng lợi ích do việc ứng dụng kết quả này vào sản xuất và đời sống theo hợp đồng khoa học và công nghệ và theo quy định của Luật này.

3. Việc ứng dụng thành công thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống là một trong những tiêu chí chủ yếu để đánh giá năng lực của tác giả, người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp; là căn cứ để Nhà nước ưu tiên khi xét tuyển chọn, giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; được quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét hỗ trợ kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ, ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật để đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

5. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tạo điều kiện để thành viên ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

**Điều 46. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội**

1. Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước phải lập hạng mục chi cho ứng dụng, nghiên cứu và phát triển phục vụ xây dựng căn cứ khoa học trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và giải quyết vấn đề khoa học và công nghệ phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội phải được thẩm định về cơ sở khoa học, trình độ công nghệ đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật trước khi phê duyệt.

3. Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

**Điều 47. Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp phải có biện pháp thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo.

2. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp tổ chức hội thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; dành ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ để hỗ trợ các hoạt động này.

3. Doanh nghiệp dành kinh phí tổ chức thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo thì kinh phí chi cho hoạt động này được tính là đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

4. Nhà nước tài trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân tổ chức, tài trợ cho hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo và tổ chức hội thi sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo.

**Điều 48. Truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ**

1. Nhà nước đầu tư, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển công tác truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm, 05 năm về công tác truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ.

3. Kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ cho hoạt động truyền thông, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hợp lý.

(Xem tiếp Công báo số 367 + 368)

---

---

## **VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng